

Số: /BC-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO**Tổng kết việc thi hành Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, Bộ, ngành, địa phương tiến hành tổng kết việc thi hành Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 (Luật Kiến trúc). Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**1. Bối cảnh trong nước và quốc tế****1.1. Bối cảnh trong nước****a) Về chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước**

Việc tổng kết thi hành Luật Kiến trúc được thực hiện khi Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, quy định mới có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến lĩnh vực kiến trúc và công tác quản lý nhà nước về kiến trúc. Cụ thể:

Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đặt ra các yêu cầu trực tiếp đối với lĩnh vực kiến trúc, như: “bảo đảm kiến trúc đô thị hiện đại, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy”; “phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy”; “kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh”; đồng thời yêu cầu “tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về đất đai, đầu tư, quy hoạch, phát triển đô thị, kiến trúc, xây dựng bảo đảm tính minh bạch, thống nhất, loại bỏ các mâu thuẫn, chồng chéo” và “cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng, cải tạo nhà ở phù hợp với quy hoạch đô thị và quy chế quản lý kiến trúc đô thị”. Đây là những định hướng có ý nghĩa trực tiếp, nền tảng đối với việc rà soát, đánh giá và hoàn thiện pháp luật về kiến trúc.

Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW tiếp tục đặt ra các yêu cầu mới đối với quản lý không gian phát triển đô thị, trong đó nhấn mạnh việc “siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch”, “kiểm soát chặt chẽ không gian xây dựng”, “tăng cường quản lý trật tự đô thị, trật tự xây dựng” và “hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn; hoàn thiện quy định pháp luật trong các lĩnh vực quản lý, khai thác, sử dụng, đầu tư phát triển đô thị, cấp, thoát nước, đất đai, quy hoạch, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật,

không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian vũ trụ, không gian công cộng, không gian xanh, mặt nước, mặt biển...”.

Mặc dù không đề cập trực tiếp đến lĩnh vực kiến trúc, các nội dung nêu trên có liên quan chặt chẽ đến quản lý không gian kiến trúc, kiểm soát hình thái xây dựng, phát triển không gian đô thị.

Bên cạnh đó, các nghị quyết của Bộ Chính trị trong thời gian gần đây cũng đặt ra các yêu cầu mới có liên quan trực tiếp đến việc hoàn thiện pháp luật về kiến trúc. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đặt ra yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa phương thức quản lý, cung cấp dịch vụ công trên nền tảng dữ liệu, qua đó tác động trực tiếp đến phương thức quản lý kiến trúc, quản lý hành nghề kiến trúc và xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực kiến trúc. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật nhấn mạnh tình trạng *“quy định chồng chéo, mâu thuẫn, chưa rõ ràng”, “phân cấp, phân quyền chưa đủ mạnh”, “thủ tục hành chính còn rườm rà”,* đồng thời yêu cầu khẩn trương sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật gắn với tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính và *“phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm ‘địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm’”*. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân nhấn mạnh yêu cầu cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, minh bạch hóa, số hóa quy trình, thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước đặt ra yêu cầu *“tập trung xây dựng và hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm”, “đẩy mạnh công tác quy hoạch tích hợp không gian ngầm với quy hoạch đô thị và hạ tầng; phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu, bản đồ số hoá không gian ngầm thống nhất, hiện đại”*. Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam tiếp tục khẳng định yêu cầu xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong đó các giá trị văn hóa cần được tập trung thể hiện thông qua không gian sống, môi trường kiến trúc và cảnh quan.

Như vậy, các nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong thời gian gần đây đã đặt ra yêu cầu mới đối với việc hoàn thiện pháp luật về kiến trúc, đặc biệt là yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số, khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn của hệ thống pháp luật, tăng cường phân cấp, phân quyền và cải cách thủ tục hành chính. Những yêu cầu này đặt ra nhiệm vụ cần rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Kiến trúc nhằm bảo đảm đồng bộ với hệ thống pháp luật, phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

b) Về hệ thống pháp luật và mô hình tổ chức quản lý

Ở trong nước, hệ thống pháp luật có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực kiến trúc đã có nhiều thay đổi so với thời điểm ban hành Luật Kiến trúc năm 2019, đặc biệt là việc ban hành các luật mới về đất đai, đầu tư, quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, di sản văn hóa và tổ chức chính quyền địa phương, qua đó làm thay đổi đáng kể bối cảnh pháp lý của công

tác quản lý kiến trúc; các thay đổi này đồng thời làm gia tăng yêu cầu liên kết giữa quy hoạch, kiến trúc, sử dụng đất, phát triển không gian và quản lý đầu tư xây dựng, đặt ra yêu cầu phải rà soát tính thống nhất, đồng bộ của Luật Kiến trúc với các luật có liên quan, nhất là đối với các nội dung về công cụ quản lý kiến trúc, thẩm quyền quản lý, cơ chế phân cấp, phân quyền, quản lý không gian kiến trúc cảnh quan và quản lý hành nghề kiến trúc.

Thực tiễn triển khai cho thấy, một số quy định của Luật Kiến trúc cần được rà soát để bảo đảm thống nhất với pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, pháp luật về xây dựng, pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương; trong đó, các quy định về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc, thiết kế kiến trúc, quy chế quản lý kiến trúc, thi tuyển kiến trúc và quản lý hành nghề kiến trúc cần được tập trung xem xét để bảo đảm tính khả thi, hiệu quả trong tổ chức thực hiện. Vẫn còn tồn tại một số quy định mang tính nguyên tắc, chưa xác định rõ phạm vi áp dụng, thẩm quyền, trách nhiệm cập nhật thông tin về kiến trúc, hành nghề kiến trúc và cơ chế tổ chức thực hiện đã làm phát sinh khó khăn trong áp dụng thống nhất tại địa phương.

Bên cạnh đó, việc sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp đã làm thay đổi căn bản cơ chế phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, trong đó có lĩnh vực kiến trúc; đây là yếu tố có tác động trực tiếp đến tính khả thi của nhiều quy định trong Luật Kiến trúc hiện hành, đặc biệt đối với việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy chế quản lý kiến trúc cũng như công tác kiểm soát không gian kiến trúc tại đô thị và nông thôn. Thực tiễn cho thấy một số nhiệm vụ trước đây được thực hiện ở cấp huyện hiện được chuyển (phân định) về cấp xã nhưng vẫn còn một số nhiệm vụ chưa được quy định rõ cơ quan chịu trách nhiệm trong mô hình mới, trong khi đó, giai đoạn nay cấp xã còn hạn chế về năng lực chuyên môn và nguồn lực tổ chức thực hiện, còn cấp tỉnh khó bao quát đầy đủ các vấn đề mang tính vi mô; điều này dẫn đến nguy cơ phát sinh khoảng trống trong quản lý hoặc làm giảm hiệu lực của các công cụ quản lý kiến trúc.

Những vấn đề nêu trên cho thấy yêu cầu cần rà soát, hoàn thiện pháp luật về kiến trúc theo hướng đồng bộ với các luật có liên quan, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đồng thời tập trung xử lý những nội dung đã được nhận diện rõ qua thực tiễn thi hành và có thể quy định ở cấp luật để bảo đảm tính khả thi, ổn định và hiệu lực quản lý.

c) Về thực tiễn thi hành Luật Kiến trúc

Luật Kiến trúc được Quốc hội thông qua ngày 13/6/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020; qua hơn 05 năm triển khai thực hiện, Luật đã từng bước đi vào cuộc sống, tạo lập cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác quản lý kiến trúc, hành nghề kiến trúc và định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam, góp phần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò của kiến trúc trong phát triển đô thị và nông thôn, đồng thời hình thành và từng bước đưa vào vận hành các công cụ quản lý nhà nước như quy chế quản lý kiến trúc, danh mục công trình kiến trúc có giá trị, thi tuyển phương án kiến trúc, sát hạch và cấp chứng chỉ

hành nghề kiến trúc; qua đó góp phần từng bước kiểm soát không gian kiến trúc, nâng cao chất lượng môi trường sống, cải thiện diện mạo kiến trúc đô thị và nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, có kế thừa giá trị truyền thống.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa diễn ra nhanh đã đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác quản lý kiến trúc, nhất là yêu cầu gắn quản lý kiến trúc với quy hoạch đô thị và nông thôn, quản lý hoạt động xây dựng, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa trong kiến trúc, thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, ứng dụng mô hình thông tin công trình và chuẩn hóa năng lực hành nghề kiến trúc; đồng thời, hệ thống pháp luật có liên quan và mô hình tổ chức chính quyền địa phương có nhiều thay đổi, làm phát sinh yêu cầu phải cập nhật, chỉnh lý một số quy định của Luật Kiến trúc cho phù hợp.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, bên cạnh những kết quả đạt được, một số quy định của Luật Kiến trúc và các văn bản hướng dẫn thi hành đã bộc lộ điểm chưa thật sự phù hợp với yêu cầu thực tiễn, chủ yếu tập trung vào các nhóm nội dung: nhận diện và cụ thể hóa bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc; thiết kế kiến trúc và hồ sơ thiết kế kiến trúc trong mối quan hệ với thiết kế xây dựng; quy chế quản lý kiến trúc; thi tuyển kiến trúc; tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, đăng ký thông tin và quản lý hành nghề kiến trúc; thẩm quyền của chính quyền địa phương trong mô hình 02 cấp. Đây là những vấn đề đã có cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn tương đối rõ, cần được ưu tiên nghiên cứu, xử lý trong giai đoạn hiện nay theo nguyên tắc sửa đổi có trọng tâm, bảo đảm tính khả thi và sự ổn định cần thiết của hệ thống pháp luật.

1.2. Bối cảnh quốc tế

Việc tổng kết thi hành Luật Kiến trúc cũng diễn ra khi tại các nước và khu vực, lĩnh vực kiến trúc đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tích hợp đa ngành, gắn với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Xu hướng phát triển kiến trúc xanh, kiến trúc thích ứng với biến đổi khí hậu, tiết kiệm năng lượng, sử dụng vật liệu thân thiện môi trường và giảm phát thải khí nhà kính ngày càng trở thành định hướng chủ đạo trong nhiều quốc gia.

Cùng với đó, chuyển đổi số đang làm thay đổi căn bản phương thức hoạt động trong lĩnh vực kiến trúc thông qua việc ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), mô phỏng số, bản sao số và các nền tảng quản lý dữ liệu không gian. Trong lĩnh vực hành nghề, nhiều quốc gia đẩy mạnh chuẩn hóa năng lực, đào tạo liên tục, kiểm soát đạo đức nghề nghiệp và từng bước công nhận lẫn nhau về chứng chỉ hành nghề trong điều kiện, yêu cầu hội nhập.

Ngoài ra, xu hướng bảo tồn và phát huy giá trị di sản kiến trúc theo hướng “*bảo tồn thích ứng*” ngày càng phổ biến, kết hợp giữa gìn giữ giá trị kiến trúc với khai thác, sử dụng hiệu quả, qua đó đóng góp vào phát triển kinh tế, du lịch và nâng cao chất lượng không gian sống. Những xu hướng này đặt ra yêu cầu đối với Việt Nam phải tiếp tục hoàn thiện thể chế quản lý kiến trúc theo hướng hiện đại, hội nhập, phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện phát triển của đất nước.

1.3. Đánh giá chung về bối cảnh thực hiện tổng kết

Từ các yếu tố nêu trên cho thấy, việc tổng kết thi hành Luật Kiến trúc được thực hiện đáp ứng tình hình có nhiều thay đổi đồng thời về chủ trương của Đảng, mô hình tổ chức bộ máy, hệ thống pháp luật, xu hướng phát triển quốc tế và thực tiễn quản lý, phát triển kiến trúc trong nước. Những thay đổi này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải rà soát, đánh giá toàn diện việc thi hành Luật Kiến trúc, qua đó xác định những nội dung còn bất cập, chồng chéo, chưa phù hợp hoặc chưa theo kịp yêu cầu phát triển mới, làm cơ sở cho việc nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật trong giai đoạn tới.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng đã tổ chức triển khai tổng kết thi hành Luật Kiến trúc trên phạm vi toàn quốc.

Để bảo đảm việc tổng kết được thực hiện toàn diện, khách quan, Bộ Xây dựng đã ban hành các văn bản đề nghị các cơ quan, tổ chức liên quan báo cáo tình hình thi hành Luật, tập trung vào đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung.

Đến ngày 31/12/2025, Bộ Xây dựng đã nhận được ý kiến của 40/55 cơ quan được lấy ý kiến (đạt 73%), bao gồm 12/17 bộ, cơ quan ngang bộ; 26/34 địa phương và 02/04 tổ chức xã hội – nghề nghiệp. Các ý kiến cơ bản được gửi đúng thời hạn, nội dung bám sát đề cương, phản ánh tương đối đầy đủ thực tiễn triển khai thi hành Luật Kiến trúc tại các ngành, lĩnh vực và địa phương.

Trên cơ sở đó, Bộ Xây dựng đã tiến hành tổng hợp, phân loại theo các nhóm nội dung của Luật, làm cơ sở cho việc đánh giá toàn diện và đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật về kiến trúc.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Việc tổ chức thi hành văn bản pháp luật về kiến trúc

1.1. Việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Kiến trúc:

Sau khi Luật Kiến trúc có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020, công tác xây dựng và ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đã được Chính phủ, Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan triển khai kịp thời, bảo đảm tiến độ và yêu cầu đặt ra, từng bước hoàn thiện khung pháp lý phục vụ tổ chức thực hiện Luật trên phạm vi cả nước.

Nghị định số 85/2020/NĐ-CP đã cụ thể hóa các nội dung cốt lõi của Luật, bao gồm công trình kiến trúc có giá trị, quy chế quản lý kiến trúc, thi tuyển phương án kiến trúc, quy tắc ứng xử nghề nghiệp, phát triển nghề nghiệp liên tục (CPD), sát hạch và cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc. Qua đó, tạo lập khung pháp lý nền tảng, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

Về phía Bộ Xây dựng, với vai trò cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 03/2020/TT-BXD ngày 28/7/2020 quy định về hồ sơ thiết kế kiến trúc và mẫu chứng chỉ hành nghề kiến trúc, trong đó quy định cụ thể thành phần hồ sơ thiết kế theo từng giai đoạn, yêu cầu thể hiện bản vẽ, thuyết minh, trách nhiệm của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế và quy cách chứng chỉ hành nghề kiến trúc; tiếp đó, Thông tư số 08/2021/TT-BXD được ban hành để quy định định mức chi phí lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị, tạo cơ sở pháp lý và điều kiện tài chính để các địa phương triển khai một trong những nội dung mới, phức tạp của Luật Kiến trúc.

Bên cạnh các văn bản quy định trực tiếp nêu trên, một số nội dung liên quan đến quản lý kiến trúc tiếp tục được cụ thể hóa, lồng ghép trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực có liên quan như quy hoạch đô thị và nông thôn, hoạt động xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, qua đó bước đầu bảo đảm sự liên thông và hình thành cơ chế phối hợp giữa pháp luật về kiến trúc với các lĩnh vực quản lý không gian phát triển; đồng thời, trong quá trình tổ chức thực hiện, Bộ Xây dựng và các cơ quan có liên quan đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, giải đáp, đôn đốc triển khai nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương, nhất là đối với các nội dung mới như lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc, lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị, tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc và quản lý hành nghề kiến trúc.

Nhìn chung, hệ thống văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kiến trúc đã được ban hành tương đối đầy đủ, kịp thời, bao quát các nội dung chủ yếu của Luật, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện; tuy nhiên, qua tổng kết cho thấy một số nội dung vẫn cần tiếp tục được rà soát, hoàn thiện nhằm bảo đảm tính đồng bộ với các pháp luật có liên quan và phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đặc biệt khi hệ thống pháp luật và mô hình tổ chức chính quyền địa phương có nhiều thay đổi.

1.2. Công tác tuyên truyền, tập huấn, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật về kiến trúc:

Sau khi Luật Kiến trúc và các văn bản hướng dẫn thi hành được ban hành, công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn và hướng dẫn thực hiện pháp luật về kiến trúc đã được các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp tập trung triển khai với nhiều hình thức phù hợp, từng bước đưa các quy định của Luật vào thực tiễn.

Ở cấp Trung ương, Bộ Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các địa phương tổ chức các hội nghị tập huấn triển khai Luật Kiến trúc và các văn bản hướng dẫn thi hành theo khu vực; cụ thể, ngày 24/11/2020, Bộ Xây dựng phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ tổ chức Hội nghị tập huấn triển khai Luật Kiến trúc và Nghị định số 85/2020/NĐ-CP cho các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, với sự tham gia của đại diện các Sở Xây dựng, Hội Kiến trúc sư và các tổ chức tư vấn trong khu vực; tiếp đó, Bộ Xây dựng tiếp tục tổ chức các hội nghị tập huấn tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên và khu vực phía Bắc trong giai đoạn 2020–2021 nhằm bảo đảm phổ biến đồng bộ nội dung của Luật trên phạm vi toàn

quốc. Nội dung các hội nghị tập huấn tập trung vào những quy định mới, trọng tâm của Luật như lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc, xác định và quản lý công trình kiến trúc có giá trị, tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc, quy định về hành nghề kiến trúc, cấp chứng chỉ hành nghề và phát triển nghề nghiệp liên tục (CPD); đồng thời, Bộ Xây dựng đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, giải đáp vướng mắc trong quá trình triển khai, đăng tải tài liệu, nội dung pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và lồng ghép trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn của ngành.

Tại địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã chủ động tổ chức các hội nghị phổ biến pháp luật, lớp tập huấn chuyên môn và hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Kiến trúc và các văn bản liên quan; theo tổng hợp từ báo cáo của các địa phương, trong giai đoạn 2020–2023, hầu hết các tỉnh, thành phố đã tổ chức ít nhất một đến hai hội nghị hoặc lớp tập huấn về Luật Kiến trúc cho cán bộ quản lý và các tổ chức tư vấn trên địa bàn; một số địa phương như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ninh đã tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về quy chế quản lý kiến trúc, quản lý không gian kiến trúc và hành nghề kiến trúc, qua đó góp phần nâng cao năng lực thực thi và nhận thức pháp luật tại địa phương.

Bên cạnh đó, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong lĩnh vực kiến trúc, đặc biệt là Hội Kiến trúc sư Việt Nam, đã tích cực tham gia công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua việc tổ chức các hội thảo, tọa đàm chuyên đề và triển khai các chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp liên tục (CPD) trong giai đoạn 2020–2024 nhằm phần nâng cao nhận thức pháp luật, năng lực hành nghề của đội ngũ kiến trúc sư, đồng thời phản ánh, kiến nghị các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Nhìn chung, công tác tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện pháp luật về kiến trúc đã được triển khai từ Trung ương đến địa phương với nhiều hình thức linh hoạt, góp phần nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về vai trò của hoạt động kiến trúc và trách nhiệm tuân thủ pháp luật.

Tuy nhiên, công tác này vẫn còn một số hạn chế: Nội dung tuyên truyền tại một số địa phương còn mang tính hình thức, chưa đi sâu vào các nội dung chuyên môn; hoạt động tập huấn chuyên sâu chưa được tổ chức thường xuyên; tài liệu hướng dẫn thiếu tính hệ thống; việc ứng dụng công nghệ số chưa hiệu quả; mức độ tiếp cận pháp luật giữa các địa phương còn chênh lệch, đặc biệt giữa khu vực đô thị và nông thôn.

2. Kết quả thi hành pháp luật về kiến trúc

2.1. Tổng hợp báo cáo của các bộ ngành, địa phương, hội nghề nghiệp

a) Về lập, ban hành quy chế quản lý kiến trúc

Việc ban hành quy chế quản lý kiến trúc đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để kiểm soát không gian kiến trúc, đặc biệt tại các khu vực trung tâm, trục không gian chính và khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù. Thực tiễn triển khai cho thấy,

công tác quản lý kiến trúc từng bước gắn với chỉnh trang, tái thiết đô thị, góp phần định hình diện mạo đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, có kiểm soát; đồng thời, từng bước khắc phục tình trạng phát triển manh mún, thiếu định hướng.

Công tác lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc được các địa phương quan tâm triển khai tương đối đồng bộ, từng bước hình thành công cụ quản lý quan trọng nhằm kiểm soát không gian kiến trúc - cảnh quan, định hướng hình thức kiến trúc công trình và phục vụ công tác cấp phép xây dựng. Theo báo cáo từ các địa phương, trên phạm vi cả nước đã ban hành khoảng 80 quy chế quản lý kiến trúc đô thị và khoảng 197 quy chế đối với khu vực nông thôn, trong đó nhiều địa phương lựa chọn hình thức ban hành riêng hoặc tích hợp nội dung quản lý kiến trúc vào đồ án quy hoạch chung xây dựng xã, qua đó từng bước mở rộng phạm vi bao phủ và nâng cao hiệu quả quản lý kiến trúc từ đô thị đến nông thôn.

Đối với khu vực đô thị, một số địa phương đã triển khai đồng bộ, đạt tỷ lệ bao phủ cao và có cách làm bài bản. Thành phố Hà Nội đã ban hành Quy chế quản lý kiến trúc toàn thành phố theo Quyết định số 73/2024/QĐ-UBND, có hiệu lực từ ngày 10/01/2025, tạo cơ sở thống nhất cho công tác quản lý kiến trúc trên địa bàn. Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quy chế quản lý kiến trúc theo Quyết định số 56/2021/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 thay thế quy chế năm 2014, từng bước hoàn thiện công cụ quản lý phù hợp với bối cảnh phát triển mới. Tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thành việc ban hành quy chế cho toàn bộ 13/13 đô thị; một số địa phương như Lạng Sơn, Lai Châu, Gia Lai cũng đạt tỷ lệ triển khai tương đối cao (Lạng Sơn đã ban hành 10 quy chế cho các thị trấn; Lai Châu phê duyệt 06/08 quy chế; Gia Lai đạt khoảng 67% số đô thị có quy chế được áp dụng). Bên cạnh đó, nhiều tỉnh, thành phố khác đã tập trung lập và ban hành quy chế đối với các đô thị trung tâm hoặc khu vực trọng điểm như thành phố Đồng Hới (cũ), thị xã Ba Đồn (cũ), thành phố Cần Thơ, thành phố Sơn La (cũ), khu vực Mộc Châu, Hát Lót..., góp phần nâng cao chất lượng không gian kiến trúc và cảnh quan đô thị.

Đối với khu vực nông thôn, công tác quản lý kiến trúc được triển khai linh hoạt thông qua hai hình thức chủ yếu là lập quy chế riêng hoặc tích hợp vào nội dung quy hoạch chung xã. Trong đó, xu hướng tích hợp được nhiều địa phương lựa chọn nhằm tiết kiệm nguồn lực, bảo đảm tính đồng bộ và tránh chồng chéo trong hệ thống công cụ quản lý. Một số địa phương đã triển khai với quy mô lớn như tỉnh Lai Châu đã tích hợp nội dung quản lý kiến trúc vào 73/94 xã; tỉnh Vĩnh Long (trước khi sáp nhập) đã lập được 116/300 quy chế cho các xã; tỉnh Gia Lai thực hiện tích hợp toàn bộ nội dung quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn vào quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã; thành phố Cần Thơ chỉ đạo các địa phương cấp huyện tổ chức tích hợp đồng bộ nội dung này vào quy hoạch chung xây dựng xã. Bên cạnh đó, một số địa phương vẫn thực hiện lập quy chế riêng đối với các khu vực đặc thù, khu vực có giá trị về cảnh quan hoặc di sản, như tỉnh Lạng Sơn (xã Bắc Quỳnh), tỉnh Đồng Nai (07 xã thuộc huyện Đồng Phú), tỉnh Thái Nguyên (khu vực di tích quốc gia đặc biệt hồ Ba Bể), qua đó góp phần tăng cường hiệu quả quản lý kiến trúc tại các khu vực có yêu cầu đặc thù.

Qua thực tiễn triển khai, việc lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc đã từng bước đi vào nề nếp, trở thành công cụ quan trọng trong quản lý không gian kiến trúc - cảnh quan, góp phần nâng cao chất lượng công trình xây dựng, hỗ trợ công tác cấp phép xây dựng và kiểm soát trật tự xây dựng theo quy hoạch; đồng thời từng bước thể chế hóa các yêu cầu về bảo tồn, phát huy bản sắc kiến trúc và kiểm soát phát triển không gian tại các đô thị và khu vực nông thôn.

b) Về lập, ban hành công trình kiến trúc có giá trị

Qua tổng hợp báo cáo của 26 địa phương cho thấy, việc triển khai lập, ban hành danh mục công trình kiến trúc có giá trị đã được quan tâm tổ chức thực hiện, bước đầu đạt được một số kết quả, đặc biệt tại các đô thị lớn, có bề dày lịch sử, văn hóa và tập trung nhiều công trình kiến trúc tiêu biểu. Theo số liệu tổng hợp, đã có 17 địa phương tổ chức rà soát, nhận diện và lập danh mục với tổng số khoảng 2.915 công trình kiến trúc có giá trị; trong đó, riêng nhóm 26 địa phương có báo cáo chi tiết, đã có khoảng 1.097 công trình được lập hồ sơ tư liệu hoặc phê duyệt đưa vào danh mục chính thức.

Một số địa phương đã triển khai bài bản, có khối lượng công việc lớn và tạo được cơ sở dữ liệu tương đối đầy đủ. Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương đi đầu trong công tác kiểm kê, phân loại công trình kiến trúc có giá trị, đã rà soát hơn 1.200 biệt thự xây dựng trước năm 1975 và ban hành quyết định phân loại đối với 590 công trình, trong đó có 64 công trình thuộc Nhóm I, 244 công trình Nhóm II và 282 công trình Nhóm III. Thành phố Hà Nội đã hoàn thành rà soát, lập hồ sơ tư liệu đối với 478 công trình xây dựng trước năm 1954 và đang tổ chức lấy ý kiến Hội đồng tư vấn kiến trúc để hoàn thiện danh mục; đồng thời Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành nghị quyết về danh mục các công trình cần tập trung nguồn lực bảo vệ, phát huy giá trị. Tỉnh Quảng Ninh đã phê duyệt danh mục gồm 28 công trình kiến trúc có giá trị; một số địa phương khác như Bình Định (nay là Gia Lai) đã bước đầu đưa các công trình tiêu biểu vào danh mục theo phân loại quy định.

Các công trình được nhận diện, phân loại chủ yếu theo các nhóm giá trị về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật kiến trúc và cảnh quan đô thị; qua đó bước đầu hình thành cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị kiến trúc, đồng thời làm căn cứ cho việc xây dựng quy chế quản lý kiến trúc và kiểm soát phát triển không gian đô thị. Tuy nhiên, kết quả triển khai giữa các địa phương còn chưa đồng đều; nhiều địa phương mới dừng ở việc ban hành văn bản phân cấp, hướng dẫn hoặc đang trong quá trình rà soát, lập hồ sơ, chưa phê duyệt chính thức danh mục, cho thấy việc triển khai quy định của Luật Kiến trúc về nội dung này vẫn cần tiếp tục được đẩy mạnh trong thời gian tới.

c) Về thi tuyển phương án kiến trúc

Việc triển khai quy định về thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc theo Luật Kiến trúc đã được thực hiện ở cả cấp bộ, ngành và địa phương, từng bước nâng cao chất lượng thiết kế kiến trúc đối với các công trình xây dựng, đặc biệt là các công trình công cộng có yêu cầu cao về kiến trúc và cảnh quan.

Theo tổng hợp báo cáo từ 26/34 địa phương, có 18 địa phương tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc với tổng số khoảng 120 cuộc thi tuyển được thực hiện trong giai đoạn tổng kết. Các cuộc thi chủ yếu tập trung vào các công trình như trụ sở cơ quan hành chính, công trình văn hóa, quảng trường và các công trình điểm nhấn đô thị. Một số địa phương triển khai tích cực như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Bình Dương..., qua đó góp phần lựa chọn được các phương án kiến trúc có chất lượng, phù hợp với định hướng phát triển không gian và nâng cao giá trị thẩm mỹ đô thị.

Ở cấp bộ, ngành, việc thực hiện quy định về thi tuyển phương án kiến trúc cũng đã được quan tâm triển khai. Bộ Quốc phòng đã tổ chức thi tuyển đối với một số công trình quy mô lớn, có yêu cầu cao về kiến trúc như Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, Tòa nhà Viettel Thăng Long, Nhà hát Quân đội. Bộ Tài chính cho biết các dự án đầu tư xây dựng thuộc phạm vi quản lý đều thực hiện tuân thủ quy định của Luật Kiến trúc, trong đó có việc tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc đối với các công trình thuộc diện quy định. Bộ Công an đã triển khai các hoạt động liên quan đến thẩm định, phê duyệt dự án gắn với yêu cầu về kiến trúc, đồng thời bước đầu nghiên cứu, áp dụng hình thức thi tuyển đối với một số công trình phù hợp.

Việc tổ chức thi tuyển kiến trúc đã góp phần nâng cao chất lượng thiết kế, tạo điều kiện lựa chọn các phương án tối ưu về công năng, kỹ thuật và thẩm mỹ, tăng cường tính công khai, minh bạch trong quá trình lựa chọn phương án kiến trúc, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực kiến trúc; đồng thời, thông qua việc thi tuyển, việc lựa chọn tổ chức tư vấn thực hiện công tác thiết kế cũng được nâng cao, bảo đảm chất lượng các hồ sơ thiết kế.

d) Về phát triển nghề nghiệp liên tục (CPD)

Hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục (*Continuing Professional Development - CPD*) là một nội dung mới được quy định trong Luật Kiến trúc và đã được các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cơ sở đào tạo triển khai tích cực, qua đó từng bước hình thành cơ chế đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức thường xuyên đối với đội ngũ kiến trúc sư hành nghề. Việc tham gia CPD được pháp luật xác định là một trong những điều kiện bắt buộc để gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc. Thông qua các hoạt động này, năng lực chuyên môn, kỹ năng hành nghề và nhận thức pháp luật của đội ngũ kiến trúc sư được nâng cao từng bước, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ kiến trúc và đáp ứng các yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế.

Theo kết quả tổng hợp từ các báo cáo, trong giai đoạn 2021-2025, hoạt động CPD đã thu hút khoảng 36.803 lượt kiến trúc sư tham gia trên phạm vi cả nước, với sự tham gia tích cực của các tổ chức nghề nghiệp và cơ sở đào tạo như Hội Kiến trúc sư Việt Nam (19.413 lượt qua 26 chương trình), Hội Kiến trúc sư Thành phố Hồ Chí Minh (12.309 lượt qua 63 chương trình), Hiệp hội Tư vấn xây dựng Việt Nam (4.414 lượt qua 13 chương trình, trong đó đã cấp 1.647 chứng chỉ CPD), cùng với các đơn vị đào tạo chuyên ngành như Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, Viện Kiến trúc Quốc gia. Nội dung các chương trình ngày

càng đa dạng, tập trung vào cập nhật pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và ứng dụng công nghệ mới.

Thông qua các hoạt động này, năng lực chuyên môn, kỹ năng hành nghề và nhận thức pháp luật của đội ngũ kiến trúc sư từng bước được nâng cao, góp phần cải thiện chất lượng dịch vụ kiến trúc theo yêu cầu phát triển và hội nhập. Thực tiễn triển khai cho thấy, quy định về CPD đã bước đầu đi vào cuộc sống, tạo nền tảng cho việc thiết lập cơ chế quản lý, duy trì và nâng cao năng lực hành nghề theo hướng chuyên nghiệp, tiệm cận thông lệ quốc tế.

d) Về sát hạch và cấp chứng chỉ hành nghề

Công tác sát hạch, cấp, gia hạn, công nhận, chuyển đổi và quản lý chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã được các địa phương triển khai tương đối đồng bộ theo quy định của Luật Kiến trúc và các văn bản hướng dẫn thi hành, từng bước đưa hoạt động hành nghề kiến trúc vào khuôn khổ quản lý thống nhất, công khai và minh bạch hơn. Qua thực tiễn triển khai cho thấy, cơ chế quản lý hành nghề thông qua chứng chỉ hành nghề đã bước đầu phát huy vai trò là công cụ pháp lý quan trọng để chuẩn hóa điều kiện hành nghề, xác lập trách nhiệm nghề nghiệp của kiến trúc sư và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với hoạt động hành nghề kiến trúc trên phạm vi cả nước.

Theo tổng hợp báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu của 26 địa phương, tính đến tháng 3 năm 2026, tổng số chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã được cấp khoảng 9.557 chứng chỉ, trong đó cấp mới khoảng 8.547 chứng chỉ, gia hạn khoảng 835 chứng chỉ và công nhận, chuyển đổi khoảng 97 chứng chỉ đối với kiến trúc sư là người nước ngoài hoặc trường hợp có yếu tố nước ngoài, chủ yếu tập trung tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Số liệu này cho thấy, sau hơn 5 năm thi hành Luật, hoạt động cấp chứng chỉ hành nghề đã được triển khai trên thực tế với quy mô tương đối lớn, phản ánh nhu cầu hành nghề kiến trúc ngày càng tăng, đồng thời cho thấy Luật Kiến trúc đã tạo lập được cơ sở pháp lý để quản lý đội ngũ kiến trúc sư hành nghề theo hướng chuyên nghiệp hơn.

Về phân bố theo địa phương, một số địa phương có số lượng chứng chỉ được cấp lớn, tập trung chủ yếu ở các trung tâm đô thị, địa bàn có nhu cầu đầu tư xây dựng và hoạt động tư vấn thiết kế kiến trúc phát triển mạnh. Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có số lượng chứng chỉ được cấp lớn nhất, tiếp đến là Hà Nội, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Thái Nguyên; ngoài ra, một số địa phương như Quảng Trị, Nghệ An, Gia Lai, Phú Thọ, Thanh Hóa, Điện Biên cũng đã tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định. Điều này cho thấy việc triển khai chính sách không chỉ tập trung tại các đô thị đặc biệt và đô thị lớn mà đã từng bước được mở rộng tới nhiều địa phương trên cả nước, góp phần nâng cao tính bao phủ của công tác quản lý hành nghề kiến trúc.

Bên cạnh kết quả về số lượng chứng chỉ đã cấp, phương thức tổ chức thực hiện cũng có chuyển biến tích cực theo hướng hiện đại hóa và minh bạch hóa thủ tục hành chính. Nhiều địa phương đã triển khai tiếp nhận hồ sơ theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến; trong đó một số địa phương như

Hà Nội, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Thanh Hóa, Điện Biên đã thực hiện tiếp nhận 100% hồ sơ qua môi trường điện tử hoặc qua cổng dịch vụ công, góp phần giảm thời gian, chi phí đi lại cho cá nhân hành nghề, đồng thời nâng cao khả năng kiểm soát, lưu trữ và tra cứu thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chứng chỉ hành nghề tuy chưa đồng đều giữa các địa phương nhưng đã thể hiện xu hướng cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số tương đối rõ nét trong lĩnh vực kiến trúc.

Công tác công khai thông tin sau cấp chứng chỉ cũng đã được nhiều địa phương thực hiện tương đối nghiêm túc. Theo báo cáo, nhiều địa phương như An Giang, Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Thanh Hóa và một số địa phương khác đã thực hiện đăng tải danh sách cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc trên cổng thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn, tạo điều kiện đề tổ chức, cá nhân, chủ đầu tư và cơ quan quản lý thuận lợi trong việc tra cứu, xác minh thông tin hành nghề. Việc công khai thông tin này có ý nghĩa quan trọng trong việc minh bạch hóa điều kiện hành nghề, phòng ngừa tình trạng hành nghề không đúng quy định và hỗ trợ công tác hậu kiểm của cơ quan quản lý nhà nước.

Qua thực tiễn triển khai cũng cho thấy, công tác cấp chứng chỉ hành nghề không chỉ dừng ở việc giải quyết thủ tục hành chính mà đã từng bước trở thành một công cụ để chuẩn hóa đội ngũ kiến trúc sư hành nghề. Việc gắn cấp chứng chỉ với điều kiện về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm hành nghề, kết quả sát hạch và yêu cầu phát triển nghề nghiệp liên tục đã tạo ra khuôn khổ quản lý ngày càng chặt chẽ hơn đối với hoạt động hành nghề kiến trúc. Ở góc độ quản lý nhà nước, đây là cơ sở quan trọng để phân định rõ trách nhiệm nghề nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ kiến trúc, bảo đảm người hành nghề có đủ năng lực chuyên môn và hiểu biết pháp luật cần thiết khi tham gia hoạt động thiết kế, tư vấn và các dịch vụ kiến trúc khác.

Có thể thấy, kết quả triển khai công tác sát hạch, cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề kiến trúc trong thời gian qua đã phản ánh tương đối rõ hiệu quả bước đầu của Luật Kiến trúc trong việc thiết lập cơ chế quản lý hành nghề theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch và tiệm cận hơn với thông lệ quốc tế. Việc nhiều địa phương đã chủ động tổ chức sát hạch, cấp chứng chỉ, gia hạn và công khai thông tin hành nghề cho thấy chính sách quản lý hành nghề kiến trúc theo Luật đã từng bước đi vào thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ kiến trúc sư và tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực kiến trúc.

2.2. Sự thay đổi tích cực diện mạo kiến trúc tại đô thị và nông thôn:

Sau hơn 05 năm triển khai thi hành, Luật Kiến trúc đã góp phần tạo chuyển biến tích cực và tương đối rõ nét trong công tác quản lý không gian kiến trúc, từng bước cải thiện diện mạo kiến trúc tại các đô thị và khu vực nông thôn trên phạm vi cả nước theo hướng có kiểm soát, có định hướng và ngày càng gần với yêu cầu phát triển bền vững. Một trong những kết quả quan trọng là việc hình thành cơ sở pháp lý để chuyển đổi phương thức quản lý kiến trúc từ tiếp cận theo từng công trình riêng lẻ sang quản lý tổng thể theo không gian, cảnh quan và bản sắc khu vực. Trên thực tế, việc ban hành và tổ chức thực hiện quy chế quản lý kiến trúc

tại nhiều địa phương, gắn với quy hoạch đô thị và nông thôn, đã góp phần kiểm soát tốt hơn các yếu tố hình thái kiến trúc như chiều cao công trình, khoảng lùi xây dựng, tổ chức mặt đứng, vật liệu và màu sắc, qua đó từng bước hạn chế tình trạng phát triển tự phát, thiếu kiểm soát trước đây và nâng cao tính đồng bộ trong tổ chức không gian kiến trúc.

Đối với khu vực đô thị, tác động của Luật Kiến trúc thể hiện ngày càng rõ thông qua việc từng bước hình thành hệ thống công cụ quản lý kiến trúc tương đối đồng bộ, gắn với quy hoạch đô thị và quản lý phát triển không gian. Theo tổng hợp báo cáo, nhiều đô thị lớn và đô thị trung tâm đã ban hành quy chế quản lý kiến trúc ở quy mô toàn đô thị hoặc theo khu vực, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để kiểm soát không gian kiến trúc tại các khu vực trung tâm, trục không gian chính, khu vực phát triển mới và các khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù. Thực tiễn triển khai tại một số đô thị như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh cho thấy công tác quản lý kiến trúc đã từng bước gắn với các chương trình chỉnh trang, tái thiết đô thị, cải tạo không gian công cộng và bảo tồn các khu vực có giá trị, qua đó góp phần định hình diện mạo đô thị theo hướng văn minh, hiện đại và có kiểm soát hơn. Đồng thời, một số đô thị đã bước đầu kiểm soát hình thái không gian theo các trục phát triển và khu vực trọng điểm, góp phần làm rõ cấu trúc không gian đô thị, giảm dần tình trạng phát triển manh mún, thiếu định hướng trong giai đoạn trước.

Ở khu vực nông thôn, tác động tích cực của pháp luật về kiến trúc được thể hiện rõ nét khi đặt trong tổng thể Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Theo số liệu chính thức, tính đến hết tháng 6 năm 2025, cả nước có 6.084/7.669 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tương đương 79,3%), trong đó có 2.567 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 743 xã đạt chuẩn kiểu mẫu và 24 tỉnh, thành phố đã có 100% số xã đạt chuẩn; những kết quả này phản ánh sự thay đổi mạnh mẽ về hạ tầng, tổ chức không gian ở và cảnh quan nông thôn, tạo nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng kiến trúc khu vực này. Ở góc độ định hướng chính sách, việc ban hành Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 07/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về định hướng phát triển quy hoạch kiến trúc nông thôn Việt Nam đã nhấn mạnh yêu cầu giữ gìn kiến trúc truyền thống, tạo bản sắc và thích ứng với điều kiện phát triển mới, qua đó góp phần định hướng công tác quản lý kiến trúc nông thôn theo hướng có kiểm soát và có định hướng rõ ràng hơn. Từ thực tiễn triển khai, diện mạo nông thôn đã có sự thay đổi tích cực theo hướng khang trang, hiện đại hơn, đồng thời bước đầu hình thành xu hướng lồng ghép yếu tố kiến trúc truyền thống dân tộc vào tổ chức không gian ở và công trình công cộng tại một số địa phương miền núi, thể hiện sự chuyển biến trong nhận thức từ phát triển thuần túy sang phát triển gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa vùng miền.

Bên cạnh đó, công tác nhận diện, bảo tồn và phát huy giá trị công trình kiến trúc trong quá trình phát triển đã có những chuyển biến rõ rệt hơn so với giai đoạn trước khi Luật Kiến trúc được ban hành. Một số địa phương đã chủ động rà soát, lập danh mục và từng bước đưa nội dung quản lý công trình kiến trúc có giá trị vào trong quy chế quản lý kiến trúc, qua đó hình thành cách tiếp cận mới trong

quản lý, chuyển từ quản lý xây dựng đơn thuần sang quản lý giá trị kiến trúc, coi công trình kiến trúc có giá trị là một bộ phận cấu thành của tài sản văn hóa đô thị cần được nhận diện, bảo vệ và khai thác hợp lý. Thực tiễn tại các đô thị lớn cho thấy việc rà soát, phân loại và quản lý các công trình có giá trị đã từng bước được triển khai, tạo cơ sở ban đầu cho công tác bảo tồn gắn với phát triển đô thị.

Ngoài ra, chất lượng kiến trúc của các công trình công cộng và công trình điểm nhấn đô thị từng bước được nâng cao thông qua việc triển khai cơ chế thi tuyển phương án kiến trúc theo quy định của Luật. Nhiều bộ, ngành và địa phương đã tổ chức thi tuyển đối với các công trình quan trọng, quy mô lớn, qua đó nâng cao chất lượng thiết kế, tăng tính minh bạch và thúc đẩy cạnh tranh trong hoạt động sáng tạo kiến trúc; việc áp dụng cơ chế thi tuyển không chỉ góp phần nâng cao giá trị thẩm mỹ công trình mà còn từng bước tiệm cận với thông lệ quốc tế trong tổ chức hoạt động kiến trúc.

Nhìn chung, những chuyển biến nêu trên không chỉ góp phần cải thiện hình thái không gian kiến trúc mà còn trực tiếp nâng cao chất lượng môi trường sống, điều kiện ở và không gian công cộng cho người dân; đồng thời, việc từng bước hình thành diện mạo kiến trúc có trật tự, có bản sắc và gắn với yêu cầu phát triển bền vững đã góp phần nâng cao hình ảnh đô thị và nông thôn Việt Nam, đặc biệt tại các khu vực phát triển động lực, đô thị lớn và các không gian có giá trị văn hóa - du lịch. Đây là yếu tố có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia khi yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Tuy nhiên, mức độ chuyển biến giữa các địa phương vẫn chưa đồng đều; tại một số khu vực, đặc biệt là vùng ven đô, khu vực chuyển tiếp nông thôn - đô thị và các địa bàn miền núi, tình trạng phát triển kiến trúc thiếu kiểm soát, lai tạp về hình thức hoặc mai một bản sắc truyền thống vẫn còn diễn ra, cho thấy yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế, tăng cường hướng dẫn kỹ thuật và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện trong thời gian tới.

2.3. Tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước về kiến trúc:

Cùng với những chuyển biến về diện mạo không gian kiến trúc, việc triển khai Luật Kiến trúc đã góp phần từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về kiến trúc trên phạm vi cả nước, thể hiện tương đối rõ trên các phương diện hoàn thiện thể chế, tổ chức thực hiện và phát triển hệ thống công cụ quản lý chuyên ngành. Một trong những kết quả nổi bật là việc từng bước hình thành khung quản lý nhà nước về kiến trúc có tính hệ thống, khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo trong giai đoạn trước khi Luật được ban hành.

Trước hết, hệ thống quản lý nhà nước về kiến trúc đã từng bước được xác lập rõ ràng hơn về chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền giữa các cấp, các ngành. Vai trò quản lý nhà nước thống nhất của Bộ Xây dựng được củng cố; đồng thời, trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp trong tổ chức thực hiện quản lý kiến trúc trên địa bàn đã được quy định cụ thể hơn thông qua Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trên thực tế, nhiều địa phương đã chủ động kiện toàn tổ chức, phân công rõ trách nhiệm giữa các cơ quan chuyên môn

trong quản lý kiến trúc, từng bước nâng cao tính chủ động và trách nhiệm giải trình trong quá trình thực thi nhiệm vụ, qua đó góp phần hạn chế tình trạng chồng chéo, bỏ sót hoặc đùn đẩy trách nhiệm trong quản lý kiến trúc trước đây.

Cùng với đó, phương thức quản lý kiến trúc đã có sự chuyển dịch từ tiếp cận hành chính thuần túy sang tiếp cận dựa trên hệ thống công cụ quản lý chuyên ngành. Các công cụ như quy chế quản lý kiến trúc, danh mục công trình kiến trúc có giá trị, cơ chế thi tuyển phương án kiến trúc, cùng với hệ thống quản lý hành nghề kiến trúc đã từng bước được thiết lập và đưa vào vận hành, tạo điều kiện để cơ quan quản lý chủ động hơn trong việc kiểm soát chất lượng kiến trúc và định hướng phát triển không gian. Thực tiễn tại nhiều địa phương cho thấy quy chế quản lý kiến trúc đã trở thành một công cụ quản lý trực tiếp, gắn với hoạt động cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng, qua đó nâng cao tính minh bạch và nhất quán trong kiểm soát kiến trúc công trình.

Hiệu quả quản lý nhà nước về kiến trúc cũng được nâng lên thông qua việc tăng cường phối hợp liên ngành và lồng ghép nội dung quản lý kiến trúc vào các lĩnh vực quản lý có liên quan. Các yêu cầu về kiến trúc ngày càng được tích hợp trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn, quản lý đầu tư xây dựng, quản lý đất đai và bảo tồn di sản văn hóa. Nhiều địa phương đã từng bước đưa các nội dung quản lý kiến trúc vào quá trình xem xét, quyết định chủ trương đầu tư, thẩm định dự án và cấp phép xây dựng, qua đó góp phần bảo đảm tính thống nhất trong quản lý không gian phát triển và hạn chế các xung đột giữa quy hoạch, kiến trúc và đầu tư xây dựng.

Bên cạnh đó, công tác quản lý hành nghề kiến trúc đã được thiết lập và vận hành tương đối đồng bộ trên phạm vi cả nước, từng bước chuẩn hóa điều kiện hành nghề và nâng cao chất lượng đội ngũ kiến trúc sư. Việc tổ chức sát hạch, cấp, gia hạn và quản lý chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã đi vào nề nếp, với số lượng kiến trúc sư được cấp chứng chỉ ngày càng tăng, phản ánh nhu cầu hành nghề và mức độ tuân thủ quy định pháp luật trong lĩnh vực kiến trúc. Đồng thời, cơ sở dữ liệu về chứng chỉ hành nghề từng bước được hình thành; một số địa phương đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chứng chỉ, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả quản lý.

Cùng với đó, hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục (CPD) từng bước được triển khai, tạo cơ chế cập nhật kiến thức chuyên môn, pháp luật và công nghệ mới cho đội ngũ kiến trúc sư, qua đó góp phần nâng cao năng lực hành nghề và chất lượng dịch vụ kiến trúc. Việc gắn yêu cầu CPD với điều kiện gia hạn chứng chỉ hành nghề đã từng bước hình thành cơ chế kiểm soát chất lượng hành nghề theo hướng tiệm cận với thông lệ quốc tế.

Ngoài ra, việc triển khai Luật Kiến trúc đã góp phần thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực kiến trúc theo hướng công khai, minh bạch và giảm chi phí tuân thủ. Một số thủ tục như cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc, công nhận phát triển nghề nghiệp liên tục, tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc đã được chuẩn hóa về trình tự, thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết; đồng thời, đáp ứng mục tiêu đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng Chính phủ điện tử, một số nội

dung quản lý kiến trúc đã bước đầu được số hóa và tích hợp vào các hệ thống thông tin quản lý xây dựng và quy hoạch, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và khả năng chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan.

Có thể thấy, Luật Kiến trúc đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng để chuyển đổi phương thức quản lý nhà nước về kiến trúc từ phân tán, thiếu công cụ sang quản lý có hệ thống, có công cụ và có định hướng rõ ràng hơn; đồng thời, góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả thực thi trong quản lý kiến trúc, phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cũng cho thấy công tác quản lý nhà nước về kiến trúc vẫn còn một số hạn chế, như việc phối hợp liên ngành ở một số địa phương chưa thực sự hiệu quả; năng lực tổ chức thực hiện còn chưa đồng đều; việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý kiến trúc còn ở mức ban đầu; một số công cụ quản lý chưa được triển khai đầy đủ hoặc còn mang tính hình thức, chưa phát huy hết vai trò trong thực tiễn.

2.4. Tạo điều kiện thông thoáng, minh bạch đối với hoạt động xây dựng:

Việc triển khai thi hành Luật Kiến trúc đã góp phần quan trọng trong việc cải thiện môi trường đầu tư xây dựng theo hướng công khai, minh bạch và thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, đặc biệt trong các khâu liên quan đến quản lý thiết kế kiến trúc và hành nghề kiến trúc. Những chuyển biến này không chỉ thể hiện ở việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý mà còn được phản ánh trong thực tiễn tổ chức thực hiện tại các địa phương, từng bước giảm thiểu rủi ro pháp lý, chi phí tuân thủ và nâng cao tính dự báo trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Trước hết, Luật Kiến trúc đã góp phần chuẩn hóa các yêu cầu đối với hồ sơ thiết kế kiến trúc, làm rõ trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động kiến trúc và thiết lập cơ chế kiểm soát chất lượng thiết kế ngay từ giai đoạn chuẩn bị dự án. Việc ban hành các quy định chi tiết về nội dung, thành phần hồ sơ thiết kế, yêu cầu thể hiện bản vẽ, thuyết minh và trách nhiệm của chủ trì, chủ nhiệm thiết kế đã giúp khắc phục tình trạng hồ sơ không thống nhất, thiếu rõ ràng hoặc phải chỉnh sửa nhiều lần trong quá trình thẩm định, phê duyệt. Thực tiễn triển khai cho thấy việc chuẩn hóa này đã góp phần nâng cao chất lượng hồ sơ thiết kế, rút ngắn thời gian xử lý và tăng tính minh bạch trong quá trình xem xét, quyết định đầu tư.

Bên cạnh đó, việc thiết lập và vận hành hệ thống chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo quy định của Luật đã tạo lập một môi trường hành nghề minh bạch, bình đẳng và có kiểm soát. Các điều kiện hành nghề được quy định rõ ràng, công khai; quy trình sát hạch, cấp và gia hạn chứng chỉ được chuẩn hóa và tổ chức tương đối đồng bộ tại các địa phương, qua đó bảo đảm năng lực của người hành nghề và hạn chế tình trạng hành nghề không đủ điều kiện. Đồng thời, việc từng bước hình thành cơ sở dữ liệu về chứng chỉ hành nghề và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đã góp phần nâng cao tính minh bạch, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tra cứu, sử dụng thông tin trong quá trình tham gia hoạt động xây dựng.

Việc quy định và triển khai cơ chế thi tuyển phương án kiến trúc đối với các công trình quan trọng, công trình có yêu cầu cao về kiến trúc cũng là một điểm mới quan trọng, góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch và cạnh tranh trong lựa chọn phương án thiết kế. Thực tiễn triển khai tại một số bộ, ngành và địa phương cho thấy hình thức thi tuyển đã tạo điều kiện lựa chọn được các phương án kiến trúc có chất lượng cao, đồng thời hạn chế tình trạng chỉ định thiếu minh bạch trong lựa chọn đơn vị tư vấn thiết kế, qua đó nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư.

Cùng với đó, việc ban hành và tổ chức thực hiện quy chế quản lý kiến trúc tại các địa phương đã góp phần công khai hóa các yêu cầu quản lý đối với không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị và nông thôn. Các nội dung như định hướng kiến trúc, chỉ tiêu kiểm soát, yêu cầu về hình thức công trình, màu sắc, vật liệu... được quy định rõ trong quy chế đã giúp các tổ chức, cá nhân có cơ sở pháp lý cụ thể khi lập dự án, thiết kế và triển khai xây dựng, qua đó giảm thiểu tình trạng phải điều chỉnh thiết kế do không phù hợp với định hướng quản lý, đồng thời nâng cao tính dự báo và ổn định của môi trường đầu tư xây dựng.

Song song với đó, công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực kiến trúc được thúc đẩy theo hướng đơn giản hóa, chuẩn hóa và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin. Một số thủ tục như cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc, công nhận phát triển nghề nghiệp liên tục, tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc đã được quy định rõ về trình tự, thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết; đồng thời, tại nhiều địa phương, việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ thông qua dịch vụ công trực tuyến đã được triển khai, góp phần giảm thời gian, chi phí và hạn chế tiếp xúc trực tiếp giữa cơ quan quản lý và người dân, doanh nghiệp. Những cải cách này được đánh giá là đã góp phần tích cực vào việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng, phù hợp với định hướng chung về cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử.

Trong tình hình hoạt động hội nhập quốc tế ngày càng được thúc đẩy, các quy định về hành nghề kiến trúc của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam cũng được cụ thể hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham gia thị trường dịch vụ kiến trúc trong nước, đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước. Việc mở rộng có kiểm soát thị trường dịch vụ kiến trúc đã góp phần thúc đẩy cạnh tranh, nâng cao chất lượng dịch vụ và từng bước tiệm cận với thông lệ quốc tế trong lĩnh vực kiến trúc và xây dựng.

Có thể khẳng định, việc triển khai Luật Kiến trúc đã góp phần hình thành môi trường hoạt động xây dựng theo hướng minh bạch, có kiểm soát nhưng không tạo rào cản không cần thiết, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể tham gia thị trường, nâng cao tính ổn định và khả năng dự báo của hoạt động đầu tư xây dựng. Những chuyển biến này không chỉ có ý nghĩa trong việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước mà còn góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành xây dựng trong hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, theo phản ánh của các địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp, việc triển khai một số quy định của Luật Kiến trúc trong thực tiễn

vẫn còn những hạn chế nhất định, như việc áp dụng quy chế quản lý kiến trúc ở một số nơi chưa đồng bộ; mối quan hệ giữa các thủ tục liên quan đến kiến trúc với quy hoạch, xây dựng, đất đai còn có nội dung chồng chéo; việc triển khai dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực kiến trúc chưa đồng đều giữa các địa phương; một số quy định về hành nghề và kiểm soát hoạt động kiến trúc chưa thực sự phù hợp với thực tiễn thị trường, cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện trong thời gian tới.

3. Các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện, thi hành Luật Kiến trúc

Qua tổng hợp ý kiến của các bộ, ngành, địa phương và tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành Luật Kiến trúc có thể phân thành hai nhóm: nhóm vấn đề đã bộc lộ rõ trong thực tiễn, có yêu cầu cấp bách phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung ở cấp luật; và nhóm vấn đề chủ yếu thuộc trách nhiệm tiếp tục hướng dẫn, tổ chức thực hiện, bố trí nguồn lực, nâng cao năng lực quản lý tại địa phương. Việc xem xét, nhận diện theo hướng này nhằm bảo đảm kiến nghị sửa đổi có trọng tâm, xử lý đúng các vấn đề đã đủ chín, đồng thời tiếp tục theo dõi, tổng kết đối với những nội dung chưa phát sinh vướng mắc lớn hoặc chưa có đủ cơ sở thực tiễn, cơ sở khoa học để đặt vấn đề luật hóa trong giai đoạn này.

3.1. Nhóm vấn đề cần được xử lý trực tiếp trong dự án Luật

a) Về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc và yêu cầu đối với kiến trúc đô thị, kiến trúc nông thôn:

Quy định hiện hành về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc đã tạo cơ sở quan trọng để các địa phương quan tâm hơn đến việc bảo tồn, kế thừa và phát huy giá trị kiến trúc truyền thống. Tuy nhiên, nội dung này còn mang tính khái quát, chưa làm rõ bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc là gì, được nhận diện thông qua những yếu tố nào và trách nhiệm cụ thể hóa thuộc cấp nào trong quá trình lập, ban hành quy chế quản lý kiến trúc. Do đó, trong thực tiễn, một số địa phương còn lúng túng khi chuyển hóa yêu cầu về bản sắc thành tiêu chí quản lý cụ thể đối với hình thái không gian, chiều cao, mật độ xây dựng, vật liệu, màu sắc, hình thức kiến trúc và yêu cầu kế thừa giá trị kiến trúc truyền thống.

Đối với kiến trúc đô thị, kiến trúc nông thôn, một số quy định cần được chỉnh lý để thể hiện rõ hơn yêu cầu kết hợp giữa kế thừa bản sắc văn hóa dân tộc với tạo lập phong cách, hình thức kiến trúc hiện đại; bảo đảm sự hài hòa giữa khu hiện hữu, khu phát triển mới, khu bảo tồn, khu vực giáp ranh đô thị và nông thôn; đồng thời phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán sinh hoạt, thuần phong mỹ tục của cộng đồng. Đối với khu vực nông thôn, miền núi và khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng của rủi ro thiên tai, yêu cầu khuyến khích áp dụng mẫu thiết kế kiến trúc cho công trình công cộng, nhà ở nông thôn cần được diễn đạt phù hợp hơn với yêu cầu thích ứng biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và thực tiễn phát triển nông thôn.

b) Về thiết kế kiến trúc và hồ sơ thiết kế kiến trúc:

Luật Kiến trúc hiện hành đã quy định trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ thiết kế kiến trúc, thiết kế kiến trúc và hồ sơ thiết kế kiến trúc. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng, mối quan hệ giữa thiết kế kiến trúc với quá trình thiết kế xây dựng còn cần được làm rõ hơn để bảo đảm thống nhất với pháp luật về xây dựng. Thực tiễn cho thấy hồ sơ thiết kế kiến trúc không tồn tại tách rời mà là một thành phần trong hồ sơ thiết kế xây dựng, làm cơ sở cho các bước thiết kế xây dựng tiếp theo; vì vậy, quy định của Luật cần được chỉnh lý theo hướng gắn thiết kế kiến trúc với nhiệm vụ thiết kế xây dựng và hồ sơ thiết kế xây dựng.

Bên cạnh đó, yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và mô hình thông tin công trình trong thiết kế kiến trúc ngày càng rõ nét nhưng chưa được thể hiện đầy đủ trong Luật. Việc bổ sung nguyên tắc ứng dụng công nghệ, mô hình thông tin công trình trong lập hồ sơ thiết kế kiến trúc là cần thiết nhằm đáp ứng chủ trương chuyển đổi số, nâng cao chất lượng quản lý hồ sơ và phù hợp với xu hướng hiện đại hóa hoạt động thiết kế, quản lý xây dựng.

c) Về quy chế quản lý kiến trúc:

Quy chế quản lý kiến trúc là công cụ quản lý trực tiếp đối với không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị và nông thôn. Tuy nhiên, sau khi hệ thống pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn được ban hành mới và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp được triển khai, một số quy định về đối tượng lập quy chế, thẩm quyền tổ chức lập, ban hành, điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc không còn hoàn toàn phù hợp. Việc không còn cấp huyện làm thay đổi cơ chế tổ chức thực hiện ở địa phương; một số nhiệm vụ trước đây gắn với cấp huyện cần được xác định lại giữa cấp tỉnh và cấp xã để bảo đảm thông suốt, không phát sinh khoảng trống thẩm quyền.

Mặt khác, nội dung quy chế quản lý kiến trúc cần được đặt trong mối quan hệ rõ hơn với quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, thiết kế đô thị, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và điều kiện cụ thể của từng địa bàn. Thực tiễn cũng cho thấy nhu cầu rà soát, đánh giá, điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc có thể phát sinh khi quy hoạch chung được phê duyệt, khi có điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính hoặc khi cần phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng. Đồng thời, việc lập và điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc cần có cơ sở để xác định chi phí, bảo đảm khả năng thực hiện tại địa phương.

d) Về thi tuyển kiến trúc:

Cơ chế thi tuyển phương án kiến trúc đã góp phần nâng cao chất lượng một số công trình công cộng, công trình điểm nhấn và công trình có yêu cầu cao về kiến trúc. Tuy nhiên, trong thực tiễn, quy định về đối tượng bắt buộc thi tuyển, thời điểm tổ chức thi tuyển và kinh phí thi tuyển còn cần được chỉnh lý để thuận lợi hơn cho quá trình chuẩn bị đầu tư, đồng thời bảo đảm không tạo thêm thủ tục không cần thiết đối với các công trình, dự án có yêu cầu tiến độ đặc biệt hoặc tính chất đặc thù.

Một số địa phương phản ánh còn lúng túng khi xác định công trình nào thuộc diện bắt buộc thi tuyển, đặc biệt là công trình điểm nhấn trong đô thị, công

trình biểu tượng về truyền thống, văn hóa, lịch sử của địa phương hoặc công trình trên các tuyến đường chính. Bên cạnh đó, đối với công trình xây dựng khẩn cấp, cấp bách, công trình thuộc dự án đầu tư công đặc biệt hoặc dự án đầu tư công theo thủ tục đầu tư đặc biệt, nếu vẫn áp dụng cơ chế thi tuyển bắt buộc như thông thường sẽ có thể ảnh hưởng đến tiến độ triển khai. Vì vậy, cần sửa đổi quy định theo hướng xác định rõ hơn đối tượng, thời điểm đề xuất thi tuyển, nguồn kinh phí thi tuyển và trường hợp không bắt buộc thi tuyển kiến trúc.

d) Về hành nghề kiến trúc, tiêu chuẩn năng lực chuyên môn và quản lý thông tin hành nghề:

Các quy định về hành nghề kiến trúc, cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc, phát triển nghề nghiệp liên tục và hành nghề của người nước ngoài tại Việt Nam đã từng bước đưa hoạt động hành nghề vào nền nếp. Tuy nhiên, trong bối cảnh yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, một số quy định cần được sửa đổi theo hướng chuyển mạnh từ quản lý tiền kiểm bằng thủ tục hành chính sang quản lý dựa trên tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, đăng ký, cập nhật, công khai thông tin và hậu kiểm.

Thực tiễn cho thấy cần làm rõ phạm vi hành nghề kiến trúc là hoạt động tư vấn, chuyên môn về kiến trúc trong quá trình thiết kế xây dựng; xác định rõ các công việc hành nghề kiến trúc; quy định tiêu chuẩn năng lực chuyên môn theo mức độ phù hợp với phạm vi và trách nhiệm hành nghề; đồng thời làm rõ trường hợp cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thực hiện một số công việc chuyên môn, cá nhân chịu trách nhiệm chuyên môn về kiến trúc trong tổ chức hành nghề kiến trúc hoặc kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề kiến trúc hoặc đáp ứng tiêu chuẩn năng lực chuyên môn tương ứng.

Bên cạnh đó, việc quản lý thông tin hành nghề kiến trúc hiện còn phân tán, chưa gắn chặt giữa dữ liệu chứng chỉ, kinh nghiệm hành nghề, phát triển nghề nghiệp liên tục, tổ chức hành nghề và cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng. Do đó, cần thiết lập cơ chế đăng ký, đăng tải, tự cập nhật thông tin tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc trên Cổng thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; xác định rõ trách nhiệm của cá nhân hành nghề đối với tính chính xác của thông tin; đồng thời quy định cơ chế rà soát, thu hồi, cấp lại chứng chỉ và báo cáo định kỳ nhằm nâng cao hiệu quả hậu kiểm.

e) Về hành nghề kiến trúc của người nước ngoài tại Việt Nam và quyền, nghĩa vụ của kiến trúc sư hành nghề:

Trong quá trình hội nhập quốc tế, nhu cầu người nước ngoài tham gia hành nghề kiến trúc tại Việt Nam tiếp tục gia tăng. Tuy nhiên, quy định hiện hành về điều kiện hành nghề, chứng chỉ, thừa nhận lẫn nhau, hồ sơ tài liệu và yêu cầu tuân thủ pháp luật Việt Nam cần được chỉnh lý theo hướng rõ ràng, thuận lợi hơn nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước. Đồng thời, một số quyền, nghĩa vụ của kiến trúc sư hành nghề cần được diễn đạt phù hợp hơn với phạm vi công việc

chuyên môn kiến trúc và yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công việc thiết kế kiến trúc được giao.

g) Về thẩm quyền của chính quyền địa phương trong mô hình 02 cấp:

Việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp làm thay đổi căn bản cơ chế phân công, phân cấp trong lĩnh vực kiến trúc. Do đó, các quy định của Luật Kiến trúc liên quan đến trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trước đây cần được rà soát, chỉnh lý, bãi bỏ hoặc thay thế cho phù hợp; đồng thời xác định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trong lập, ban hành, điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc, quản lý hoạt động kiến trúc trên địa bàn, cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc và báo cáo tình hình quản lý nhà nước về hoạt động kiến trúc.

3.2. Nhóm vấn đề chủ yếu thuộc tổ chức thực hiện, hướng dẫn và nguồn lực

Bên cạnh các nội dung đã có yêu cầu cấp bách cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung ở cấp luật, tổng kết thi hành cũng ghi nhận một số khó khăn, vướng mắc chủ yếu thuộc khâu tổ chức thực hiện, hướng dẫn chuyên môn và bảo đảm nguồn lực. Các vấn đề này cần được tiếp tục xử lý thông qua nghị định, thông tư, hướng dẫn chuyên môn, cơ chế phối hợp liên ngành, bố trí kinh phí, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và tăng cường kiểm tra, đôn đốc; đồng thời tiếp tục được theo dõi, tổng kết để có cơ sở đánh giá đầy đủ hơn trước khi đặt vấn đề sửa đổi ở cấp luật trong giai đoạn tiếp theo.

Đối với công trình kiến trúc có giá trị, các địa phương đã bước đầu triển khai lập danh mục, kiểm kê, đánh giá và quản lý, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị kiến trúc đô thị và nông thôn. Tuy nhiên, một số khó khăn về phương pháp đánh giá, hồ sơ tư liệu, kinh phí, sự phối hợp với pháp luật về di sản văn hóa và sự đồng thuận của chủ sở hữu chủ yếu cần tiếp tục được nghiên cứu, hướng dẫn, xử lý trong quá trình hoàn thiện văn bản quy định chi tiết và tổ chức thực hiện. Báo cáo chỉ xác định đây là nội dung cần tiếp tục theo dõi, hoàn thiện ở cấp hướng dẫn và thực thi, trừ các nội dung có liên quan trực tiếp đến nhận diện bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc và quy chế quản lý kiến trúc.

Đối với công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nâng cao năng lực của địa phương, nhiều ý kiến cho rằng mức độ triển khai còn chưa đồng đều, nhất là tại khu vực nông thôn, miền núi, các địa bàn sau sắp xếp đơn vị hành chính. Đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu quả thi hành Luật nhưng chủ yếu thuộc giải pháp tổ chức thực hiện, cần được tiếp tục đưa vào kế hoạch triển khai, hướng dẫn và kiểm tra sau khi Luật sửa đổi, bổ sung được ban hành.

Đối với ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu, thực tiễn cho thấy nhu cầu số hóa trong quản lý kiến trúc và hành nghề kiến trúc ngày càng cấp thiết. Qua tổng kết, cần nghiên cứu hoàn thiện ở cấp luật đối với những vấn đề mang tính nguyên tắc như ứng dụng mô hình thông tin công trình trong hồ sơ thiết kế kiến trúc, cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc và sự liên

thông với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng. Các nội dung chi tiết về tiêu chuẩn dữ liệu, quy trình cập nhật, khai thác, kết nối, chia sẻ thông tin cần tiếp tục được quy định trong văn bản dưới luật và tổ chức thực hiện theo lộ trình phù hợp.

3.3. Đánh giá chung về khó khăn, vướng mắc

Nhìn chung, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành Luật Kiến trúc cho thấy chưa đặt ra yêu cầu sửa đổi toàn diện Luật trong giai đoạn hiện nay, nhưng cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung có trọng tâm đối với các nội dung đã bộc lộ rõ bất cập, có căn cứ chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn tương đối đầy đủ, nhằm bảo đảm đồng bộ với hệ thống pháp luật mới, phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền, chuyển đổi số và quản lý hoạt động hành nghề kiến trúc theo hướng minh bạch, hậu kiểm. Đối với các vấn đề ít phát sinh vướng mắc, chưa có tác động lớn trong thực tiễn hoặc chưa đủ cơ sở nghiên cứu, đánh giá, cần tiếp tục hoàn thiện thông qua tổ chức thi hành, hướng dẫn chuyên môn và tổng kết thực tiễn trước khi xem xét luật hóa.

III. Nhận diện các tồn tại, hạn chế và đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung Luật Kiến trúc

1. Các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1.1. Tồn tại, hạn chế

Từ kết quả tổng kết thi hành, các tồn tại, hạn chế cần ưu tiên nghiên cứu xử lý trong giai đoạn hiện nay gồm:

(1) *Quy định về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc* còn khái quát, chưa xác định rõ yếu tố nhận diện, trách nhiệm cụ thể hóa và vai trò của nội dung này trong quy chế quản lý kiến trúc, thẩm định thiết kế, cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng.

(2) *Quy định về thiết kế kiến trúc, nhiệm vụ thiết kế kiến trúc và hồ sơ thiết kế kiến trúc* chưa thật sự đồng bộ với pháp luật về xây dựng; chưa thể hiện rõ yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và mô hình thông tin công trình trong lập hồ sơ thiết kế kiến trúc.

(3) *Quy định về quy chế quản lý kiến trúc* cần được cập nhật để phù hợp với pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, yêu cầu phân cấp, phân quyền và nhu cầu rà soát, điều chỉnh quy chế trong trường hợp quy hoạch chung được phê duyệt, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính hoặc phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng.

(4) *Quy định về thi tuyển kiến trúc* cần được chỉnh lý theo hướng rõ hơn về khái niệm, đối tượng bắt buộc thi tuyển, thời điểm đề xuất thi tuyển, kinh phí thi tuyển và trường hợp không bắt buộc thi tuyển đối với công trình xây dựng khẩn cấp, cấp bách, công trình thuộc dự án đầu tư công đặc biệt hoặc dự án đầu tư công theo thủ tục đầu tư đặc biệt.

(5) *Quy định về hành nghề kiến trúc* cần được hoàn thiện theo hướng xác định rõ phạm vi công việc chuyên môn, tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, cơ chế đăng ký, cập nhật, công khai thông tin hành nghề, cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc và cơ chế rà soát, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

(6) *Quy định về hành nghề kiến trúc* của người nước ngoài tại Việt Nam, quyền và nghĩa vụ của kiến trúc sư hành nghề, thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã cần được chỉnh lý để bảo đảm rõ ràng, thống nhất và phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hiện nay.

1.2. Nguyên nhân

(1) *Hệ thống pháp luật có liên quan đến kiến trúc* đã có nhiều thay đổi sau khi Luật Kiến trúc năm 2019 được ban hành, đặc biệt là pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, xây dựng, di sản văn hóa, tổ chức chính quyền địa phương và cải cách thủ tục hành chính.

(2) *Một số quy định của Luật Kiến trúc hiện hành* được thiết kế theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương trước đây, còn cấp huyện, nên cần được rà soát, điều chỉnh để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu phân cấp, phân quyền hiện nay.

(3) *Một số nội dung của Luật* còn mang tính nguyên tắc, chưa xác định rõ tiêu chuẩn, điều kiện, trách nhiệm, cơ chế cập nhật thông tin và phương thức tổ chức thực hiện, dẫn đến cách hiểu, cách áp dụng chưa thống nhất giữa các địa phương.

(4) *Yêu cầu chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, mô hình thông tin công trình và quản lý dựa trên dữ liệu trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng* ngày càng rõ nét, trong khi quy định hiện hành chưa theo kịp yêu cầu này.

(5) *Năng lực tổ chức thực hiện, nguồn lực tài chính, dữ liệu quản lý và đội ngũ cán bộ chuyên môn ở các địa phương* còn chưa đồng đều, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai quy chế quản lý kiến trúc, thi tuyển kiến trúc, quản lý hành nghề kiến trúc và các công cụ quản lý khác.

2. Định hướng sửa đổi, bổ sung Luật Kiến trúc

2.1. Quan điểm, mục tiêu

(1) Tập trung sửa đổi, bổ sung những nội dung thật sự cần thiết, cấp bách, đã được tổng kết, nhận diện rõ từ thực tiễn và có đủ căn cứ chính trị, pháp lý, cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn để quy định ở cấp luật; đối với những vấn đề ít phát sinh vướng mắc, chưa gây tác động lớn hoặc chủ yếu thuộc khâu hướng dẫn, tổ chức thực hiện thì tiếp tục xử lý bằng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn chuyên môn và tổng kết thực tiễn trước khi xem xét sửa đổi ở giai đoạn tiếp theo.

(2) Bảo đảm đồng bộ với pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, pháp luật về xây dựng, pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật về chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu trong hoạt động xây dựng.

(3) Cụ thể hóa chủ trương phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; chuyển từ quản lý tiền kiểm không cần thiết sang quản lý dựa trên tiêu chuẩn năng lực, đăng ký, công khai thông tin và hậu kiểm.

(4) Nâng cao chất lượng kiến trúc, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc, bảo đảm phát triển kiến trúc đô thị, kiến trúc nông thôn hài hòa với cảnh quan, điều kiện tự nhiên, tập quán sinh hoạt, yêu cầu thích ứng biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.

(5) Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, mô hình thông tin công trình và cơ sở dữ liệu trong thiết kế kiến trúc, quản lý kiến trúc và quản lý hành nghề kiến trúc.

2.2. Nhóm vấn đề kiến nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung

Trên cơ sở kết quả tổng kết thi hành Luật, báo cáo kiến nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Kiến trúc theo các nhóm vấn đề sau đây. Việc xác định điều, khoản cụ thể cần được tiếp tục rà soát trong quá trình xây dựng dự án Luật để bảo đảm đúng tính chất của từng vấn đề, kỹ thuật lập pháp và sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

(1) Tính đồng bộ của hệ thống pháp luật; yêu cầu cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước thời gian qua. Nghiên cứu, rà soát để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động kiến trúc; thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về phát triển văn hóa, phát triển đô thị, chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực kiến trúc.

(2) Quy định về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc; quy định về tiêu chí đối với công trình kiến trúc có giá trị. Nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc; tiêu chí xác định công trình kiến trúc có giá trị; cơ chế quản lý, bảo vệ công trình kiến trúc có giá trị và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật có liên quan.

(3) Quy chế quản lý kiến trúc còn một số vướng mắc về phạm vi, nội dung và quy trình ban hành. Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định về quy chế quản lý kiến trúc nhằm làm rõ phạm vi điều chỉnh, nội dung, trách nhiệm tổ chức thực hiện theo hướng đẩy mạnh phân cấp phân quyền và đơn giản hóa trình tự, thủ tục ban hành; nâng cao tính khả thi và phù hợp với yêu cầu quản lý kiến trúc tại địa phương.

(4) Quy định về thi tuyển phương án kiến trúc còn thiếu cụ thể ở một số nội dung. Nghiên cứu, hoàn thiện quy định về thi tuyển phương án kiến trúc theo hướng cụ thể, minh bạch về đối tượng, yêu cầu, quy trình tổ chức thi tuyển, tiêu chí đánh giá và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; bảo đảm tính khả thi và nâng cao chất lượng kiến trúc công trình.

(5) *Quy định về hành nghề kiến trúc (điều kiện cấp chứng chỉ, phạm vi hành nghề...), quy định về hành nghề trong bối cảnh hội nhập.* Nghiên cứu, đổi mới các quy định về hành nghề kiến trúc theo hướng phù hợp với yêu cầu cải cách điều kiện hành nghề, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và hội nhập quốc tế; rà soát quy định về chứng chỉ hành nghề, tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, phạm vi hành nghề, công nhận lẫn nhau và quản lý hành nghề trong nước, nước ngoài.

(6) *Việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong kiến trúc.* Nghiên cứu, bổ sung các quy định về ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động kiến trúc; xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu về kiến trúc, hành nghề kiến trúc; thúc đẩy cung cấp dịch vụ công trực tuyến và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực kiến trúc.

3. Giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức thi hành Luật

Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc được ban hành, cần tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, nhất là về lập, điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc, thi tuyển kiến trúc, quản lý thông tin hành nghề kiến trúc và cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ, công chức quản lý kiến trúc ở cấp tỉnh, cấp xã; đẩy mạnh số hóa, công khai, chia sẻ thông tin; đồng thời thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thi hành luật để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Trên đây là báo cáo của Bộ Xây dựng về tổng kết việc thi hành Luật Kiến trúc (từ ngày 01/7/2020 đến hết ngày 31/12/2025)/.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, QHKT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Tường Văn